

**CÔNG TY TNHH H&H TIMI VIỆT NAM**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH H&H TIMI VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: H&H TIMI VIET NAM COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: H&H TIMI VIET NAM CO., LTD

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0108252771

**3. Ngày thành lập:** 02/05/2018

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Thôn Hợp Nhất, Xã Dương Liễu, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0963386865

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | Mã ngành |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Giáo dục nghề nghiệp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 8532     |
| 2.  | Giáo dục văn hoá nghệ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 8552     |
| 3.  | Bán buôn đồ uống                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4633     |
| 4.  | Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4751     |
| 5.  | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                          | 4759     |
| 6.  | Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4763     |
| 7.  | Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4772     |
| 8.  | Giáo dục tiểu học                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 8520     |
| 9.  | Giáo dục trung học cơ sở và trung học phổ thông                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 8531     |
| 10. | Đại lý, môi giới, đấu giá<br>Chi tiết: Đại lý, môi giới                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4610     |
| 11. | Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4641     |
| 12. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết: Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác<br>Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh<br>Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện<br>Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự<br>Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm<br>Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao<br>Bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế | 4649     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |             |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 13. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị khác chưa được phân vào nhóm nào, sử dụng cho sản xuất công nghiệp, thương mại, hàng hải và dịch vụ khác.<br>- Bán buôn máy công cụ điều khiển bằng máy vi tính;<br>- Bán buôn thiết bị và dụng cụ đo lường.                                                                                                                                                            | 4659        |
| 14. | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Bán buôn hóa chất công nghiệp như: anilin, mực in, tinh dầu, khí công nghiệp, keo hóa học, chất màu, nhựa tổng hợp, methanol, parafin, dầu thơm và hương liệu, soda, muối công nghiệp, axit và lưu huỳnh,...                                                                                                                                                                                          | 4669        |
| 15. | Bán buôn tổng hợp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4690        |
| 16. | Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4742        |
| 17. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: Bán lẻ đồ ngũ kim trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4752        |
| 18. | Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4753        |
| 19. | Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4761        |
| 20. | Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4764        |
| 21. | Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4771        |
| 22. | Giáo dục mầm non                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 8510(Chính) |
| 23. | Giáo dục thể thao và giải trí                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 8551        |
| 24. | Dịch vụ hỗ trợ giáo dục<br>Chi tiết: Tư vấn giáo dục;                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 8560        |
| 25. | Giáo dục khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: - Giáo dục không xác định theo cấp độ tại các trung tâm đào tạo bồi dưỡng;<br>- Các dịch vụ dạy kèm( gia sư);<br>- Các trung tâm dạy học có các khoá học dành cho học sinh yếu kém;<br>- Các khoá dạy về phê bình đánh giá chuyên môn;<br>- Dạy ngoại ngữ và dạy kỹ năng đàm thoại;<br>- Dạy đọc nhanh;<br>- Đào tạo tự vệ;<br>- Đào tạo về sự sống;<br>- Đào tạo kỹ năng nói trước công chúng;<br>- Dạy máy tính. | 8559        |

**6. Vốn điều lệ:** 500.000.000 VNĐ

### **7. Thông tin về chủ sở hữu:**

Họ và tên: ĐỖ ĐĂNG HUÂN

Giới tính: *Nam*

Sinh ngày: 12/03/1989 Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 112404072

Ngày cấp: 20/03/2007 Nơi cấp: *Công an tỉnh Hà Tây*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Thôn Hợp Nhất, Xã Dương Liễu, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Thôn Hợp Nhất, Xã Dương Liễu, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

### **8. Người đại diện theo pháp luật:**

\* Họ và tên: ĐỖ ĐĂNG HUÂN

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: 12/03/1989 Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 112404072

Ngày cấp: 20/03/2007 Nơi cấp: *Công an tỉnh Hà Tây*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Thôn Hợp Nhất, Xã Dương Liễu, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Thôn Hợp Nhất, Xã Dương Liễu, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội